

## QUY ĐỊNH

### Hạn mức giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Hậu Giang

(Kèm theo Quyết định số /2024/QĐ-UBND ngày tháng năm 2024 của  
Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang)

#### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định hạn mức giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Hậu Giang theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 137, khoản 4 Điều 139, khoản 5 Điều 141, khoản 5 Điều 176, khoản 3 Điều 177, khoản 2 Điều 195, khoản 2 Điều 196 và khoản 4 Điều 213 Luật Đất đai.

#### Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Cơ quan có chức năng quản lý nhà nước về đất đai.
- Tổ chức, tổ chức tôn giáo và tổ chức tôn giáo trực thuộc; cá nhân trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài là công dân Việt Nam; cộng đồng dân cư trong nước đang sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.
- Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc quản lý, sử dụng đất.

#### Điều 3. Hạn mức giao đất nông nghiệp

- Hạn mức giao đất trồng cây hằng năm, đất nuôi trồng thủy sản cho cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp: 03 ha cho mỗi loại đất.
- Hạn mức giao đất trồng cây lâu năm: 10 ha.
- Hạn mức giao đất rừng sản xuất là rừng trồng: 30 ha.
- Cá nhân được giao nhiều loại đất trong các loại đất trồng cây hằng năm, đất nuôi trồng thủy sản thì tổng hạn mức giao đất 05 ha; trường hợp được giao thêm đất trồng cây lâu năm thì hạn mức đất trồng cây lâu năm 05 ha; trường hợp được giao thêm đất rừng sản xuất là rừng trồng thì hạn mức giao đất rừng sản xuất 25 ha.

#### Điều 4. Hạn mức giao đất chưa sử dụng cho cá nhân để đưa vào sử dụng cho sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt

- Hạn mức giao đất chưa sử dụng để trồng cây hằng năm, đất nuôi trồng thủy sản cho cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp: 03 ha cho mỗi loại đất.
- Hạn mức giao đất chưa sử dụng để trồng cây lâu năm: 10 ha.
- Hạn mức giao đất chưa sử dụng để trồng rừng sản xuất: 30 ha.

**Điều 5. Hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp của cá nhân**

1. Hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất trồng cây hằng năm, đất nuôi trồng thủy sản cho cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp: 45 ha cho mỗi loại đất.
2. Hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất trồng cây lâu năm: 150 ha.
3. Hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất rừng sản xuất là rừng trồng: 450 ha.

**Điều 6. Quy định giấy tờ khác về quyền sử dụng đất có trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư đang sử dụng đất**

Ngoài các loại giấy tờ được quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g, h, i, k, l, m khoản 1 Điều 137 Luật Đất đai thì giấy tờ khác về quyền sử dụng đất được lập trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 gồm Giấy chứng nhận quyền sử dụng ruộng đất tạm thời do Hội đồng cấp giấy chứng nhận ruộng đất cấp.

**Điều 7. Hạn mức công nhận đất ở theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 141 Luật Đất đai**

1. Đất ở tại đô thị: 200 m<sup>2</sup>.
2. Đất ở tại nông thôn: 300 m<sup>2</sup>.

**Điều 8. Hạn mức giao đất ở cho cá nhân**

1. Đất ở tại đô thị: 200 m<sup>2</sup>.
2. Đất ở tại nông thôn: 300 m<sup>2</sup>.

3. Hạn mức giao đất ở cho cá nhân quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này không áp dụng đối với trường hợp người có đất bị thu hồi được bồi thường bằng giao đất ở khi Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh, phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng.

**Điều 9. Hạn mức giao đất cho tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc trên địa bàn tỉnh**

1. Hạn mức giao đất xây dựng cơ sở tôn giáo, trụ sở của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc và công trình tôn giáo hợp pháp khác: Không quá 5.000m<sup>2</sup>.

2. Đối với tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc trên địa bàn tỉnh được Nhà nước cho phép hoạt động đang sử dụng đất cho hoạt động tôn giáo, phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt mà chưa được giao đất trước ngày Quy định này có hiệu lực thì diện tích giao đất theo hiện trạng đang sử dụng.

3. Đối với tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc trên địa bàn tỉnh có nhu cầu sử dụng đất lớn hơn hạn mức giao đất tại khoản 1 Điều này thì căn cứ theo quỹ đất, quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ xem xét, quyết định diện tích đất giao cho từng trường hợp cụ thể.

**Điều 10. Điều khoản chuyển tiếp**

Đối với các trường hợp hồ sơ đề nghị giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất đã nộp hồ sơ hợp lệ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công hoặc Bộ phận Một cửa từ ngày 01 tháng 8 năm 2024 đến ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành nhưng chưa được cấp có thẩm quyền ban hành Quyết định giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất thì được áp dụng theo Quy định này.

**Điều 11. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Quy định này theo đúng quy định.
2. Trong quá trình thực hiện nếu có phát sinh vướng mắc các sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố báo cáo bằng văn bản gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp để tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.